

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS - ST

Ngày: 20/8/2020.

“ V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Trần Thúy Kiên**

2/ Ông **Chung Khánh Nghị**

- *Thư ký phiên tòa: Ông Điều Khắc Khanh* - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ.

- *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang*

Ngày **20** tháng **8** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2018/TLST - DS, ngày 23 tháng 5 năm 2018, về việc “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2020/QĐST - DS ngày 26/6/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 522/2020/TB –TA ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng D

Địa chỉ trụ sở: phường C, quận L, thành phố N.

Chi nhánh quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Trụ sở: phường S, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền ông **Huỳnh Thế Q** - SN: 1978 (có mặt)

Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh

Địa chỉ: khu vực P, phường S, quận Thốt Nốt, Cần Thơ

Bị đơn: Ông Võ Văn T – chết ngày 14/10/2018

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Võ Chấn H** – sinh năm 2000

2/ Ông **Võ Chấn Đ** – sinh năm 2006

Đại diện theo pháp luật của ông Đ có bà **Đặng Thị Z** – sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: khu vực G, phường M, quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền bà **Hồ Hoàng I** – sinh năm: 1971

Địa chỉ: số 82 Bis, đường K, phường W, thành phố J, tỉnh F (có mặt)

3/ Ông **Bùi Hữu Y** – sinh năm: 1989 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực R, phường TL, quận R, Tp. Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Đặng Thị Z** – sinh năm: 1972 (có mặt)

2/ Ông **Nguyễn Văn A** – sinh năm 1956

3/ Bà **Trần Thị Bé B** – sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: khu vực G, phường M, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền ông **Trần Hùng V** – sinh năm: 1966

Địa chỉ: số 2, khu BT, Trung tâm thương mại VT, thị trấn VT, huyện VT, Tp. Cần Thơ (có mặt)

4/ Ông **Trịnh Văn D1** – sinh năm 1966 (có mặt)

5/ Bà **Đặng Thị Bích T1** – sinh năm 1971 (vắng mặt)

6/ Ông **Nguyễn Văn K1** – sinh năm 1954 (có mặt)

7/ Bà **Đông Thị Đ1** (Nguyễn Thị Đ1) - sinh năm 1952 (có mặt)

8/ Ông **Nguyễn Ngọc Z1** – sinh năm: 1979

9/ Bà **Lê Thị Kim Q1** – sinh năm: 1979

10/ Bà **Ngô Thị G1** – sinh năm: 1995

(Ông Z1, bà Q1, bà G1 ủy quyền cho ông K1 tham gia tố tụng)

Cùng địa chỉ: khu vực AT, phường C1, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

11/ **Ủy ban nhân dân phường C1**

Trụ sở: khu vực Y1, phường C1, quận Thốt Nốt, Cần Thơ

Người đại diện hợp pháp ông **Nguyễn Thanh E1**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C1 (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng D có người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Thế Q trình bày:

Nguyên đơn Ngân hàng D chi nhánh quận S, thành phố Cần Thơ có ký Hợp đồng tín dụng số HD1803.LAV2015.01600, ngày 25/5/2015 với bị đơn ông Võ Văn T để cho ông vay số tiền nợ gốc 3.050.000.000đồng, mục đích vay nuôi cá tra, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký nhận nợ lần đầu, lãi suất vay 8%/ tháng, bên vay phải trả lãi 03 tháng/lần để bảo đảm cho khoản nợ vay, bị đơn và người thứ ba bảo lãnh có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất như sau:

1/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 3643/2013/HĐTC ngày 25/01/2013 với tổng diện tích đất: 6.527,3m², giá trị tài sản 1.752.000.000 đồng và căn nhà ở cấp 4 trị giá 398.000.000 đồng, tổng cộng giá trị tài sản nhà đất thế chấp 2.150.000.000 đồng;

2/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 8526/2013/HĐTC ngày 25/01/2013 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 8526/PLHĐTC, ngày 28/11/2013, số 1526/2014/PLHĐTC ngày 02/01/2014, số 2526/2014/PLHĐTC ngày 01/3/2014, tổng diện tích đất 9.267,9m², giá trị tài sản đảm bảo 1.582.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Bé B đứng tên chủ tài sản;

3/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC ngày 01/03/2014, tổng diện tích 1.470,2m², giá

trị tài sản 397.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị Đ1 đứng tên chủ tài sản;

4/ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1855/2014/HĐTC ngày 01/03/2014, tổng diện tích 194,9m², giá trị tài sản 58.000.000 đồng do ông Trịnh Văn D1 đứng tên chủ sử dụng. Tổng cộng giá trị tài sản thế chấp là 4.187.000.000 đồng.

Quá trình vay bị đơn ông Võ Văn T đã trả cho ngân hàng số nợ gốc 60.000.000đồng và không thực hiện tiếp nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng bị đơn nhiều lần hứa hẹn không trả nợ cho Ngân hàng nên các bên phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 14/8/2018 ông Võ Văn T chết và nguyên đơn tiếp tục yêu cầu các người thừa kế hàng thứ nhất gồm: Ông Võ Chấn H, ông Võ Chấn Đ, ông Bùi Hữu Y là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T có trách nhiệm trả nợ cho ông T nhưng vẫn không thỏa thuận được.

Nay nguyên đơn Ngân hàng D yêu cầu Tòa án buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Võ Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 2.990.000.000đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm và còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất trong hợp đồng đã ký kết tính đến khi thanh toán xong số nợ.

Trường hợp người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn thì đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản nợ vay của bị đơn theo hợp đồng thế chấp tài sản của bị đơn và người khác nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K1, bà Đ1 yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC, lập ngày 01/3/2014 thì ngân hàng không đồng ý vì việc chứng thực hợp đồng là lỗi của Ủy ban nhân dân phường C1 không có lỗi của ngân hàng nên yêu cầu Tòa án bác đơn yêu cầu của ông K1, bà Đ1.

Trường hợp Tòa án tuyên hủy hợp đồng thế chấp mà ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn thì nguyên đơn tranh chấp yêu cầu Ủy ban nhân dân phường C1 là cơ quan chứng thực hợp đồng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có yêu cầu. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Võ Văn T chết ngày 14/8/2020 và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Võ Chấn H, ông Võ Chấn Đ có đại diện đương nhiên bà Đặng Thị Z ủy quyền cho bà Hồ Hoàng I, ông Bùi Hữu Y thống nhất trình bày như sau:

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn T thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng số HD1803.LAV2015.01600, ngày 25/5/2015 với nguyên đơn Ngân hàng D chi nhánh quận S để vay số tiền gốc 3.050.000.000đồng, mục đích vay nuôi cá tra, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký nhận nợ lần đầu, lãi suất vay 8%/ tháng, bên vay phải trả lãi 03 tháng/lần để bảo đảm cho khoản nợ vay, bị đơn và ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Bé B, ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng

Thị Đ1 (Nguyễn Thị Đ1), ông Trịnh Văn D1, bà Đặng Thị Bích T1 có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất như nguyên đơn trình bày là đúng, tuy nhiên, do nuôi cá tra thua lỗ nên ông T không có khả năng trả nợ đã vi phạm hợp đồng đến nay ông T chỉ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 2.990.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán.

Đến ngày 14/8/2018 ông Võ Văn T chết và các người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cha ông Võ Văn M chết năm 1975, mẹ bà Huỳnh Thị Kim L1 chết năm 1974, con ông Võ Chấn H, con ông Võ Chấn Đ, con ông Bùi Hữu Y, riêng đối vợ thứ nhất bà Bùi Thị G1 đã ly hôn năm 1992, vợ thứ hai bà Đặng Thị Z đã ly hôn năm 2004 và sau khi ly hôn ông T, bà Z chung sống lại nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hiện hoàn cảnh gia đình các ông khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho nguyên đơn như trong hợp đồng tín dụng ông T đã ký kết.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Võ Văn T đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 2.990.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Trường hợp không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thanh toán nợ cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K1, bà Đ1 yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC, lập ngày 01/3/2014 thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Võ Văn T không có ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Riêng đối với ông Bùi Hữu Y có yêu cầu được vắng mặt tại các lần hòa giải, đối chất và xét xử tại Tòa án các cấp do bận công việc làm ăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Bé B có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Hùng V thống nhất trình bày:

Ông A, bà B là chủ sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 01036, “H” 01037, “H” 01038 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp cùng ngày 27/7/2006 cho ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Bé B đứng tên chủ sử dụng. Ông A, bà B thừa nhận có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 8526/2013/HĐTC ngày 25/01/2013 với nguyên đơn để bảo lãnh nợ cho bị đơn ông T. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông A, bà B đồng ý giao tài sản để ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ được trừ phần diện tích có mô mã, chuồng chăn nuôi và thửa đất số 769, diện tích 801,9m² để gia đình có điều kiện ổn định cuộc sống.

2/ Ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1 trình bày như sau:

Ông bà là chủ sử dụng phần đất có diện tích 1.470,2m² thuộc thửa đất số 511, loại đất T, CLN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 02475 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 28/4/2008 do ông Nguyễn Văn K1 đứng tên chủ sử dụng, hiện do gia đình ông đang quản lý sử dụng.

Vào ngày 15/11/2010 vợ chồng ông bà có vay số tiền 50.000.000 đồng của Ngân hàng P1– phòng giao dịch quận S và có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất do ông K1 đứng tên chủ sử dụng, đến ngày 25/02/2014 ông bà đã trả nợ cho ngân hàng được 30.000.000 đồng còn nợ lại 20.736.000 đồng, ông bà có mượn của ông Võ văn T số tiền 20.736.000 đồng để trả nợ cho ngân hàng, thời điểm đó thì ông T đưa giấy đất để nộp cho cơ quan nhà nước xóa thế chấp và trả giấy lại cho ông bà. Sau đó, đến năm 2014 ông bà có tiền đem trả cho ông T gốc, lãi 24.000.000 đồng và ông bà đòi lại giấy đất thì ông T hứa vài ngày sẽ trả lại giấy đất nhưng ông T không thực hiện cho đến nay, ông bà xác định không có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để bảo lãnh nợ cho ông T.

Sau này, ông bà mới phát hiện ông T tự ý mang giấy đất đi thế chấp và ký không vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nên ông có yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông bà. Qua kết quả giám định chữ ký, chữ viết của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp. Cần Thơ ngày 22/7/2019 kết luận chữ viết không phải của ông K1 và chữ ký, chữ viết không phải của bà Đ1 trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC, lập ngày 01/3/2014 không phải do ông bà ký, viết nên ông bà không có trách nhiệm bảo lãnh khoản nợ của ông T. Nay ông bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC, lập ngày 01/3/2014 và buộc ngân hàng có trách nhiệm xóa thế chấp và giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

3/ Ông Nguyễn Ngọc Z1, bà Lê Thị Kim Q1, bà Ngô Thị G1 có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn K1 trình bày: Các ông bà là con của ông K1, bà Đ1, hiện ông bà có căn nhà trên thửa đất 511 do ông K1 đứng tên chủ sở hữu. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông bà không đồng ý và thống nhất yêu cầu của ông K1, bà Đ1.

4/ Ông Trịnh Văn D1 trình bày: Ông thừa nhận ông và vợ bà Đặng Thị Bích T1 có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 8526/2013/HĐTC ngày 25/01/2013, tổng diện tích 194,9m², giá trị tài sản 58.000.000 đồng. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý giao tài sản để ngân hàng phát mãi để thu hồi nợ. Riêng đối với vợ bà T1 đi làm ăn xa nên thường xuyên vắng nhà nên không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Quá trình thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và căn nhà theo các giấy quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01122, số CH01123 được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp cùng ngày 23/01/2013 cho ông Võ Văn T đứng tên chủ sử dụng, sở hữu đúng hiện trạng sử dụng nhà và đất và gắn liền trên đất có 04 ngôi mộ đá, cây trồng do bị đơn đang quản lý.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H”01287 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 10/11/2006 do hộ ông Phạm Văn KT đứng tên chủ sử dụng được Văn phòng đăng ký quyền sử

dụng đất huyện Thốt Nốt (cũ) chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Võ Văn T, ngày 31/3/2008 là đúng hiện trạng sử dụng đất, do bị đơn quản lý.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 01036, “H” 01037, “H” 01038 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp cùng ngày 27/7/2006 cho ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Bé B đứng tên chủ sử dụng là đúng hiện trạng sử dụng đất và trên thửa đất số 769 có căn nhà chính, căn nhà phụ, cây trồng của ông A, bà B và trên thửa đất 767 có 04 ngôi mộ đá, chuồng chăn nuôi, cây trồng do ông A, bà B đang quản lý.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 02150 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 12/10/2007 cho ông Trịnh Văn D1 đứng tên chủ sử dụng là đúng hiện trạng sử dụng đất và trên đất có căn nhà chính do ông D1 đang quản lý sử dụng.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 02475 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 28/4/2008 do ông Nguyễn Văn K1 đứng tên chủ sử dụng là đúng hiện trạng sử dụng đất và trên đất có căn nhà chính của bà Lê Thị Kim Q1, căn nhà chính của ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1, căn nhà chính của ông Nguyễn Ngọc Z1, bà Ngô Thị G1 và 03 ngôi mộ đá, cây trồng do ông K1, bà Đ1 đang quản lý.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự để hòa giải động viên nhằm tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thỏa thuận được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Thế Q trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, đồng thời có ý kiến bổ sung như sau: Nguyên đơn yêu cầu buộc các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền 4.481.162.000 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc 2.990.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 20/8/2020 là 1.491.162.000 đồng (bao gồm: tiền lãi trong hạn số tiền 1.085.382.000 đồng, tiền lãi quá hạn số tiền 405.780.000 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi thanh toán xong số nợ, trường hợp không trả lãi thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp của ông K1, bà Đ1 thì nguyên đơn không đồng ý vì nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Trường hợp hủy hợp đồng thì việc xử lý hậu quả nguyên đơn sẽ khởi kiện cơ quan chứng thực nếu cần thiết.

Các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn có người đại diện theo ủy quyền bà I trình bày: Các ông là người thừa kế của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, đồng thời có ý kiến bổ sung sau: các ông đồng ý có trách nhiệm thanh toán nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên, do hiện hoàn cảnh kinh tế các con của bị đơn quá khó khăn nên không có khả năng thanh toán nợ nên đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đối với yêu cầu của ông K1, bà Đ1 thì các ông không đồng ý nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông A, bà B có đại diện ủy quyền ông V trình bày: Ông A, bà B vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, tuy nhiên, do trên đất thế chấp có căn nhà, các ngôi mộ, chuồng chăn nuôi nên khi phát mãi đề nghị xem xét để lại tài sản này để gia đình ông A, bà B ổn định cuộc sống.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D1, ông K1, bà Đ1, ông Z1, bà G1, bà Q1 vẫn giữ nguyên ý kiến như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn là ông Võ Chấn H, ông Bùi Hữu Y, ông Võ Chấn Đ có người đại diện theo pháp luật bà Đặng Thị Z phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng D với tổng số tiền 4.481.162.000 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 2.990.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 20/8/2020 là 1.491.162.000 đồng và còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 21/8/2020 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số nợ và xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC ngày 01/3/2014 được Ủy ban nhân dân phường C1 chứng thực số 25 quyển số 1/2014 TP.CC-SCT HĐGD ngày 03/3/2014 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng D chi nhánh quận S, Tp. Cần Thơ với bên thế chấp ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị Đ1 là vô hiệu.

Buộc nguyên đơn Ngân hàng D có trách nhiệm thực hiện thủ tục xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và trả lại cho ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1 (Nguyễn Thị Đ1) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02475 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 28/4/2008 cho ông Nguyễn Văn K1 đứng tên chủ sử dụng đất, hiện giấy đất do nguyên đơn đang quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

1.1/ *Về sự vắng mặt của đương sự:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bích T1 vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông Nguyễn Thanh E1 là đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường C1 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét

xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông bà là phù hợp.

1.2/ Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Bị đơn ông Võ Văn T trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đến ngày 14/8/2018 ông T chết, các người thuộc hàng thừa thứ nhất gồm: cha ông Võ Văn M chết năm 1975, mẹ bà Huỳnh Thị Kim L1 chết năm 1974, con ông Võ Chấn H, con ông Võ Chấn Đ, con ông Bùi Hữu Y, riêng đôi vợ thứ nhất bà Bùi Thị G1 đã ly hôn năm 1992, vợ thứ hai bà Đặng Thị Z đã ly hôn năm 2004 và sau khi ly hôn ông T, bà Z chung sống lại nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định ông H, ông Y, ông Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp.

Đối với bà Đặng Thị Z do không có mối quan hệ hôn nhân với bị đơn ông Võ Văn T tại thời điểm phát sinh tranh chấp và không bị nguyên đơn khởi kiện, tuy nhiên do bà đang quản lý tài sản thế chấp nên cần xác định bà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc, tiền lãi phát sinh chưa thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và giao tài sản bảo đảm cho nguyên đơn để xử lý nhằm thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp nhưng người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn đồng ý, riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K1, bà Đông Thị Đ1 không đồng ý giao tài sản để phát mãi và có yêu cầu độc lập hủy hợp đồng thế chấp nên các bên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy các bên tham gia giao kết hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận nhưng bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên xác định mối quan hệ tranh chấp dân sự cụ thể “ *Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản* ” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[3] Về nội dung tranh chấp: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

3.1/ Về yêu cầu thanh toán nợ từ hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn Ngân hàng D và bị đơn ông Võ Văn T có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng ngày 25/5/2015 để ông T vay số tiền 3.050.000.000đồng, mục đích vay nuôi cá tra, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký nhận nợ lần đầu, lãi suất vay 8%/ tháng, bên vay phải trả lãi 03 tháng/lần là phù hợp với những quy định về nội dung, hình thức hợp đồng được quy định tại các Điều 121,124 Bộ luật Dân sự năm 2005 thời điểm đang có hiệu lực và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xét thấy bị đơn trong thời gian vay chỉ trả được cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 60.000.000đồng, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi theo định kỳ khi đến hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết, nay nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền 4.481.162.000 đồng, trong

đó: số tiền nợ gốc 2.990.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 20/8/2020 là 1.491.162.000 đồng (bao gồm: tiền lãi trong hạn số tiền 1.085.382.000 đồng, tiền lãi quá hạn số tiền 405.780.000 đồng) và bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, về người kế thừa bị đơn cũng đồng ý thanh toán nợ cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử công nhận là đúng theo quy định tại Điều 615, 651, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2/ *Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1 thì thấy:* Ông bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC, lập ngày 01/3/2014 và buộc ngân hàng có trách nhiệm xóa thế chấp và giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà do ông bà không ký kết hợp đồng thế chấp với ngân hàng.

Xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC, lập ngày 01/3/2014 được Ủy ban nhân dân phường C1 chứng thực số 25 quyền số 1/2014 TP.CC-SCT HĐGD ngày 03/3/2014 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng D chi nhánh quận S, Tp. Cần Thơ với bên nhận thế chấp ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị Đ1 để đảm bảo nợ vay cho ông Võ Văn T, bà Đặng Thị Z, tuy nhiên, ông K1, bà Đ1 không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hợp đồng do ông bà ký ra và qua kết quả giám định số 92/KLGD –PC 09 ngày 22/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận ông bà không ký viết trong hợp đồng này, mặt khác các đương sự đều không có ý kiến đối với kết quả giám định nên xem đây là chứng cứ trong vụ án theo quy định tại các Điều 93, 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở xác định ông bà không có tham gia giao dịch ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thanh toán nợ cho bị đơn ông T là sự thật nên yêu cầu của ông K1, bà Đ1 có cơ sở chấp nhận và tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với ý kiến của Ủy ban nhân dân phường C1 cho rằng cơ quan chứng thực không có lỗi trong việc chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản và việ dẫn theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Nghị định số 23/2015/NĐ – CP ngày 16/02/2015 “ *Thời điểm chứng thực hợp đồng thế chấp nêu trên thì ngân hàng đã ký trước hợp đồng giao dịch với các bên trong hợp đồng đã có các chữ ký của các bên trong hợp đồng giao dịch nên Ủy ban nhân dân phường không có chứng thực chữ ký các bên vào lời chứng mà Ủy ban nhân dân phường chỉ chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng giao dịch, năng lực hành vi dân sự và không vi phạm điều cấm của pháp luật* ”. Xét thấy ý kiến của Ủy ban nhân dân phường C1 việ dẫn quy định khoản 1 Điều 35 của Nghị định 23/2015/NĐ – CP ngày 16/02/2015 là không đúng về điều khoản áp dụng của Nghị định, bởi vì trách nhiệm của cơ quan chứng thực là được quy định tại khoản 2 Điều 35 của Nghị định này, mặt khác, thời điểm chứng thực hợp đồng vào ngày 01/3/2014 thì phải áp dụng theo Nghị định số 75/2000/NĐ – CP ngày 08/12/2000 đang có hiệu lực và theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 75 thì khi ký tên, điểm chỉ trong thực hiện chứng thực thì người yêu cầu chứng thực phải thực hiện trước mặt người thực hiện chứng thực nên việc Ủy

ban nhân dân phường là cơ quan chứng thực cho rằng không chịu trách nhiệm chữ ký trong hợp đồng là không đúng nên ý kiến này không được chấp nhận.

Đối với xử lý hậu quả của hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu: Theo khoản 2 Điều 44 của Nghị định 23/2015/NĐ – CP ngày 16/02/2015 hiện đang có hiệu lực quy định “ *Trong trường hợp người thực hiện chứng thực gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức do lỗi của mình thì sẽ bị xử lý kỷ luật, bồi thường theo quy định của pháp luật*”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại trong cùng vụ án, nếu cần thiết các đương sự sẽ khởi kiện đối với Ủy ban nhân dân phường C1 thành vụ kiện khác nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

3.3/ *Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D1, ông A, bà B đều thừa nhận có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất do ông bà đứng tên chủ sử dụng để đảm bảo cho khoản nợ vay cho bị đơn với nguyên đơn và đồng ý phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo quy định. Xét thấy hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên các đương sự phải thực hiện trách nhiệm theo quy định các Điều 319, 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Đối với các tài sản gắn liền trên đất thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông D1, bà T1 và ông A, bà B không thuộc tài sản thế chấp, quá trình giải quyết các đương sự không tranh chấp liên quan đến tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án. Vì vậy, quá trình xử lý thu hồi nợ nếu các đương sự có tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ án khác, quyền lợi của bên nhận thế chấp và chủ tài sản gắn liền trên đất thế chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông K1, bà Đ1 tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên vô hiệu là đúng theo quy định pháp luật.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên người kế thừa của bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tính trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn và phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên, quá trình giải quyết các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn có đơn yêu cầu miễn giảm án phí do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận chính quyền địa phương nên cần miễn giảm 50% án phí cho bị đơn là phù hợp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] *Về chi phí tố tụng:*

+ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp với chi phí số tiền 8.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải có nghĩa vụ nộp số tiền

8.000.000 đồng để trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Chí phí giám định: Theo yêu cầu của đương sự Tòa án tiến hành giám định giám định chữ ký, chữ viết với số tiền 4.500.000 đồng, do ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1 nộp tạm ứng. Nay yêu cầu của ông K1, bà Đ1 được chấp nhận nên các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải nộp số tiền 4.500.000 đồng để trả cho ông K1, bà Đ1 theo quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 74, 147, 157, 161, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 121, 124, 318, 323, 342, 343, 347 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các Điều 123, 325, 342, 343, 466, 615, 651, 688 Bộ luật Dân sự 2015;
- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Nghị định 23/2015/NĐ – CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

***Tuyên án:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn là ông Võ Chấn H, ông Bùi Hữu Y, ông Võ Chấn Đ có người đại diện theo pháp luật bà Đặng Thị Z phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng D với tổng số tiền 4.481.162.000 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 2.990.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 20/8/2020 là 1.491.162.000 đồng.

Ông Võ Chấn H, ông Bùi Hữu Y, ông Võ Chấn Đ có người đại diện theo pháp luật bà Đặng Thị Z còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 21/8/2020 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số nợ.

2/ Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1597/2014/HĐTC ngày 01/3/2014 được Ủy ban nhân dân phường C1 chứng thực số 25 quyền số 1/2014 TP.CC-SCT HĐGD ngày 03/3/2014 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng D chi nhánh quận S, Tp. Cần Thơ với bên thế chấp ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị Đ1 là vô hiệu.

Buộc nguyên đơn Ngân hàng D có trách nhiệm thực hiện thủ tục xóa đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và trả lại cho ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1 (Nguyễn Thị Đ1) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02475 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 28/4/2008 cho ông Nguyễn Văn K1 đứng tên chủ sử dụng đất, hiện giấy đất do nguyên đơn đang quản lý.

3/ Về xử lý tài sản thế chấp:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo như sau:

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở theo các giấy quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01122, số CH01123 được Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt cấp cùng ngày 23/01/2013 cho ông Võ Văn T đứng tên chủ sử dụng, sở hữu và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H”01287 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 10/11/2006 do hộ ông Phạm Văn KT đứng tên chủ sử dụng được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thốt Nốt (cũ) chỉnh lý trang 4 chuyển nhượng cho ông Võ Văn T, ngày 31/3/2008. Các tài sản được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 3643/2013/HĐTC ngày 25/01/2013.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 01036, “H” 01037, “H” 01038 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp cùng ngày 27/7/2006 cho ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Bé B đứng tên chủ sử dụng và được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 8526/2013/HĐTC ngày 25/01/2013.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 02150 được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 12/10/2007 cho ông Trịnh Văn D1 đứng tên chủ sử dụng và được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 1855/2014/HĐTC ngày 01/3/2014.

Đối với các tài sản của ông Trịnh Văn D1 và ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị Bé B gắn liền trên đất thế chấp không thuộc tài sản thế chấp, trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Tách việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại giữa các đương sự đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường C1 ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Võ Chấn H, ông Bùi Hữu Y, ông Võ Chấn Đ có người đại diện theo pháp luật bà Đặng Thị Z phải nộp số tiền 56.390.500 đồng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Đã xét giảm 50% án phí do các ông đang gặp khó khăn về kinh tế có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nguyên đơn Ngân hàng D được nhận lại số tiền 53.325.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 004029, ngày 22/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Về chi phí tố tụng:

+ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 8.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 8.000.000 đồng. Các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải có trách nhiệm nộp số tiền 8.000.000 đồng để trả cho nguyên đơn.

+ Chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết với số tiền 4.500.000 đồng, do ông Nguyễn Văn K1, bà Đồng Thị Đ1 nộp tạm ứng. Các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải nộp số tiền 4.500.000 đồng để trả cho ông K1, bà Đ1.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Riêng đối với người đại diện ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ bị đơn có tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Hội đồng xét xử tuyên án, không có lý do chính đáng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án.

Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Bá Lộc